

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÕ VĂN TẦN**

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ VÕ VĂN TÀN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Nguyễn Đức Anh Khoa	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Bà Hoàng Thị Như Hiền	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Bà Trần Thị Loan	Giáo viên, Thư ký hội đồng	Thành viên – Trưởng nhóm Thư ký	
4	Bà Bùi Thị Ngọc Lý	Giáo viên, Chủ tịch Công đoàn	Thành viên	
5	Ông Vũ Minh Thọ	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
6	Bà Lê Thu Trang	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
7	Bà Phạm Thị Luyện	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
8	Bà Nguyễn Thị Bích Thảo	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
9	Ông Lê Cảnh Thạnh	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
10	Bà Châu Huệ Hương	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
11	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên	
12	Bà Nguyễn Thị Kim Lan	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên	
13	Ông Nguyễn Hoàng Vinh	Giáo viên – Bí thư Chi đoàn	Thành viên	
14	Ông Nguyễn Viết Dương	Tổng phụ trách Đội	Thành viên	

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	10
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	12
Mở đầu	12
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	13
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	15
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	17
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	20
Tiêu chí 1.5: Lớp học	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	25
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	28
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	30
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	32
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	35
Kết luận Tiêu chuẩn 1	37
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	38
Mở đầu	38
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	39
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	41
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	44
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	46
Kết luận Tiêu chuẩn 2	48
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	49
Mở đầu	49
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	50
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	51

Tiêu chí 3.3: Khởi hành chính - quản trị	54
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	56
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	58
Tiêu chí 3.6: Thư viện	60
Kết luận Tiêu chuẩn 3	62
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	63
Mở đầu	62
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	63
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	65
Kết luận Tiêu chuẩn 4	69
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	69
Mở đầu	69
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	69
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	73
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	75
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	77
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	79
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	81
Kết luận Tiêu chuẩn 5	86
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	87
Phần IV. PHỤ LỤC	88

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (X) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X		
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		X	X	
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X		
Tiêu chí 2.4		X	X	X
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		X		
Tiêu chí 3.2		X		
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X		
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				

Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần

Tên trước đây (nếu có): Trường cấp I, II Hạnh Đức

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Tân Bình

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Tân Bình
Xã / phường/thị trấn	11
Đạt CQG	Không có
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1975
Công lập	X
Tư thực	Không có
Trường chuyên biệt	Không có
Trường liên kết với nước ngoài	Không có

Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Đức Anh Khoa
Điện thoại	0983579758
Fax	
Website	http://thcsvovantan.hcm.edu.vn
Số điểm trường	02
Loại hình khác	Không có
Thuộc vùng khó khăn	Không có
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không có

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Khối lớp 6	11	11	10	10	15
Khối lớp 7	13	11	10	10	8
Khối lớp 8	09	11	11	10	8
Khối lớp 9	09	10	11	11	9
Cộng	42	43	42	41	40

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối	42	42	42	42	42	

	phục vụ học tập						
1	Phòng học	33	33	33	33	33	
a	Phòng kiên cố	33	33	33	33	33	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
2	Phòng học bộ môn	06	06	06	06	06	
a	Phòng kiên cố	06	06	06	06	06	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
3	Khối phục vụ học tập	03	03	03	03	03	
a	Phòng kiên cố	03	03	03	03	03	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	18	18	18	18	18	
1	Phòng kiên cố	18	18	18	18	18	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Thư viện	01	01	01	01	01	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	00	00	00	00	00	
	Cộng	61	61	61	61	61	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 3 năm 2021.

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01					01	
Phó hiệu trưởng	02	01			02		
Giáo viên	75	49	01	00	16	59	
Nhân viên	10	06	00	00	08	02	

Nhân viên hợp đồng trường	03	01	00	00	03	01	
Cộng	91	57	01	02	27	65	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021
1	Tổng số giáo viên	72	76	74	75	75
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,79	1,77	1,76	1,82	1,82
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,042	0,044	0,046	0,048	0,048
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	12	19	24	29	29
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	01	01	02	03	03
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

T T	Số liệu	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1708	1738	1664	1554	1720	
	- Nữ	828	852	831	771	771	
	- Dân tộc	54	53	49	34	34	
	- Khối lớp 6	478	441	389	373	373	
	- Khối lớp 7	500	454	390	374	374	
	- Khối lớp 8	384	478	435	384	384	
	- Khối lớp 9	346	365	440	423	423	

2	Tổng số tuyển mới	473	438	387	376	376	
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
4	Bán trú	174	255	197	293	293	
5	Nội trú	00	00	00	00	00	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	41 (40,67)	40 (40,41)	40 (39,61)	39 (39,09)	39 (39,09)	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	1708/100 %	1738/100 %	1664/100 %	1554/100 %	1554/1 00%	
	- Nữ	100%	100%	100%	100%	100%	
	- Dân tộc	100%	100%	100%	100%	100%	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	9/6	10/8	20/8	18/8	18/8	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	00	00	00	00	00	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	11	12	15	13	13	
	- Nữ	05	06	07	07	07	
	- Dân tộc	00	00	00	00	00	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	06	08	10	13	13	

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	32,19%	31,14%	31,12%	32,04%	32,56%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	33,59%	38,52%	41,19%	41,41%	43,50%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	8,29%	4,09%	4,08%	3,02%	2,77%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	67,5%	78,51%	86,88%	94,01%	94,66%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	27,85%	20,14%	11,62%	5,38%	4,95%	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	4,65%	1,35%	1,50%	0,61%	0,39%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần có 2 cơ sở:

Cơ sở 1: Số 261 Võ Thành Trang, Phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ sở 2: Số 62 Phan Sào Nam, Phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường được thành lập theo Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về việc chuyển đổi trường Trung học cơ sở bán công Võ Văn Tần thành trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần, trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình.

Với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, năm học 2013-2014, trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần được trao tặng Huân chương Lao động hạng III vì nhiều năm liền đạt thành tích xuất sắc. Hiện tại, diện tích cơ sở 1 là 1374 m² được xây dựng theo mô hình 01 trệt 02 lầu có 16 phòng học được xây dựng đảm bảo diện tích 56 m²/ phòng, 02 phòng vi tính, 01 phòng thực hành Lý; 01 phòng thực hành Hóa – Sinh. Cơ sở 2 nhà trường với tổng diện tích là 1989,9 m² được xây dựng theo mô hình 01 trệt 03 lầu có 17 phòng học được xây dựng đảm bảo diện tích 60 m²/ phòng và một số phòng phục vụ học tập. Nhà trường có 02 phòng vi tính tại cơ sở 1 với 75 máy tính để dạy học sinh, 100% máy tính được kết nối Internet, có mạng không dây (wifi) cả 02 cơ sở được kết nối 24/24 nhằm phục vụ cho công tác quản lý và giảng dạy. Cả hai cơ sở của nhà trường đặc biệt là cơ sở 1, các phòng học nằm sát đường giao thông và khu dân cư nên thường xuyên bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn.

Trường có tổ chức chi bộ đảng trực thuộc Đảng bộ Phường 11, quận Tân Bình. Chi bộ giữ vai trò lãnh đạo trong toàn bộ hoạt động của nhà trường. Các tổ chức khác như: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu

niên Tiên phong Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tích cực, góp phần cùng với nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Trường có 07 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 91 người.

Về học sinh, trường hiện có 41 lớp cho 4 khối 6, 7, 8, 9 với tổng số 1554 học sinh cư trú trên địa bàn Phường 9, Phường 10, Phường 11 thuộc quận Tân Bình.

Với yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, trong nhiều năm gần đây nhà trường không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục để tiến tới xây dựng một ngôi trường học tập nề nếp, kỷ cương, có chất lượng cao so với các trường trung học cơ sở trong quận. Năm học 2015-2016, nhà trường đã tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài theo quy định và đã đạt được tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 01 theo quyết định số 2171/QĐ-SGDĐT ngày 28/12/2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Thực hiện theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần tiếp tục thực hiện quy trình tự đánh giá kiểm định chất lượng đơn vị theo quy định.

2. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá nhằm giúp cho tập thể nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường, chỉ ra được các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí theo các tiêu chuẩn được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT; xác định mức độ nhà trường đáp ứng mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn để không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục nhằm xây dựng kế hoạch cải tiến và đề ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá

Căn cứ Công văn số 5932/BGĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần thực hiện quá trình tự đánh giá như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá: Ngày 18/02/2021.
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá: Ngày 23/02/2021.
- Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng: Từ 04/3/2021 đến 18/3/2021.
- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí: Từ 21/3/2021 đến 28/3/2021.
- Viết báo cáo tự đánh giá từ: Từ 01/4/2021 đến 15/4/2021.
- Phổ biến nội dung Báo cáo tự đánh giá để lấy ý kiến toàn thể các thành viên trong trường và hoàn chỉnh báo cáo: Từ 17/4/2021 đến 25/4/2021.
- Công bố báo cáo tự đánh giá: Ngày 28/4/2021.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần được thành lập từ năm 1975, tuy khó khăn về cơ sở vật chất, song tổ chức bộ máy của nhà trường từ cán bộ quản lý đến giáo viên các tổ chuyên môn đều được bố trí đủ về số lượng, chuẩn về trình độ đào tạo và có đủ năng lực, kinh nghiệm trong việc quản lý điều hành mọi hoạt động nhà trường theo quy định của Điều lệ trường trung học.

Các tổ chuyên môn được thành lập và đi vào hoạt động có nề nếp. Các tổ trưởng chuyên môn đều là những giáo viên có kinh nghiệm trong việc điều hành công tác nên hoạt động của tổ chuyên môn là nền tảng thúc đẩy và góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường. Trường tiếp nhận học sinh trong độ tuổi trên địa bàn, có đủ các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9, được biên chế thành 41 lớp, bình quân 39 học sinh một lớp. Nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá, xếp loại các bộ phận thường xuyên, kịp thời, chính xác có tác dụng thúc đẩy, nâng cao chất lượng hiệu quả các hoạt động.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường 11, quận Tân Bình về chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của ngành và thực trạng đội ngũ, cơ sở vật chất, dân số trong địa bàn phường, Trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn năm 2020-2025 [H1-1.1-01]. Các kế hoạch phù hợp với mục tiêu của giáo dục phổ thông được quy

định tại Luật Giáo dục (Điều 27, Văn bản hợp nhất Luật Giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31 tháng 12 năm 2015), phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn, phù hợp với các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-02].

b) Kế hoạch chiến lược của nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình thẩm định, phê duyệt trước khi thực hiện [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược phát triển trường đã được thông báo công khai tới toàn thể cán bộ, giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh và đã được niêm yết tại bảng thông báo phòng giáo viên và công bố công khai trên website của nhà trường tại địa chỉ <http://thcsvovantan.hcm.edu.vn> [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học để triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường một cách cụ thể đồng thời phân công các thành viên trong Hội đồng trường theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường khá đầy đủ [H1-1.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có thực hiện lấy ý kiến của Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để kịp thời điều chỉnh và triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển trường. Nhà trường kịp thời bổ sung và điều chỉnh chiến lược phát triển bằng văn bản cụ thể. [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Các mục tiêu trong chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu của giáo dục cấp trung học cơ sở; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương và tình hình cơ sở vật chất, tài chính của nhà trường; được toàn thể cán bộ giáo viên và nhân viên trường đồng thuận, cùng quyết tâm thực hiện.

3. Điểm yếu

Nhà trường bổ sung và điều chỉnh chiến lược phát triển chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2021-2022 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phổ biến và đăng tải toàn văn kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường lên website của đơn vị nhằm tranh thủ sự đóng góp của mọi tổ chức, cá nhân, đồng thời điều chỉnh, bổ sung chiến lược cho phù hợp với thực tiễn tại đơn vị. Hàng năm, trong quá trình thực hiện chiến lược, Hiệu trưởng thường xuyên rà soát, đánh giá những việc đã làm được và những việc chưa làm được trước tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường để kịp thời bổ sung và điều chỉnh nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong kế hoạch chiến lược.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần được thành lập theo Quyết định số 214/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban Nhân dân quận Tân Bình đảm bảo cơ cấu thành phần đúng quy định tại Điều 20 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có

nhieu cấp học (sau đây gọi tắt là Điều lệ trường trung học) [H2-1.2-01]. Ngoài ra, mỗi năm học Hiệu trưởng còn ban hành quyết định thành lập các hội đồng khác như: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm, Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường... Hội đồng kỷ luật được thành lập khi có cán bộ, giáo viên, nhân viên hoặc học sinh của nhà trường bị đề nghị xử lý kỷ luật [H2-1.2-02].

b) Hội đồng trường và Hội đồng thi đua, khen thưởng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 20, 21 Điều lệ trường trung học, cụ thể: quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục; quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết nghị về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; giám sát các hoạt động của nhà trường, giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường. Hội đồng trường và các Hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định [H2-1.2-03].

c) Mỗi năm học, Hội đồng trường và các hội đồng khác thường họp định kỳ theo quy định để rà soát, đánh giá các hoạt động theo kế hoạch đồng thời đề ra các giải pháp phù hợp để thực hiện nhiệm vụ giáo dục có hiệu quả. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng trường triệu tập các phiên họp bất thường để giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường [H1-1.1-05].

Mức 2:

Hội đồng trường hoạt động tích cực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, việc ghi chép biên bản cho các buổi họp còn ghi chung chung, chưa thể hiện đánh giá kết quả cụ thể [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng tư vấn hoạt động hiệu quả đã góp phần nâng chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc ghi chép biên bản cho các buổi họp còn chung chung, chưa thể hiện đánh giá kết quả cho các hoạt động giáo dục cụ thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì hoạt động Hội đồng trường và các hội đồng khác; định hướng, đưa ra những vướng mắc, khó khăn cụ thể của nhà trường trong từng hoạt động để các thành viên trong hội đồng phát huy hết năng lực của mình mạnh dạn đề xuất phương án hoạt động tối ưu nhất trong các cuộc họp. Chủ tịch Hội đồng trường hướng dẫn thư ký ghi lại biên bản các cuộc họp cụ thể, rõ ràng hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định: tổ chức Công đoàn gồm 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch, 01 trưởng ban nữ công, 01 chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Công đoàn, 01 ủy viên [H3-1.3-01]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh gồm có 23 đoàn viên, Ban chấp hành có 01 bí thư, 01 phó bí thư, 01 ủy viên [H3-1.3-02] và Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H3-1.3-03].

b) Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong nhà trường thể hiện tốt vai trò từng bộ phận trong nhà trường, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao, tư vấn cho hiệu trưởng xây dựng và nâng cao các hoạt động của nhà trường thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình [H3-1.3-04]; [H3-1.3-05]; [H3-1.3-06].

c) Sau mỗi học kỳ, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đều họp rà soát, đánh giá các hoạt động của mình theo quy định chung [H3-1.3-07]; [H3-1.3-08]; [H3-1.3-09].

Mức 2:

a) Chi bộ trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần trực thuộc Đảng ủy phường 11 có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định: Tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2020 số lượng đảng viên trong chi bộ Trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần là 22 đồng chí, trong đó có 20 đồng chí là đảng viên chính thức và 02 đồng chí là đảng

viên dự bị, Cấp ủy chi bộ gồm 03 đồng chí: bí thư, phó bí thư và 01 Chi ủy viên [H3-1.3-10].

Trong 05 năm từ 2016 đến 2020, chi bộ trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 02 năm được đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H3-1.3-11].

b) Hoạt động của tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các đoàn thể đóng góp quan trọng cho sự phát triển của nhà trường: Công tác bồi dưỡng, tạo nguồn để giới thiệu đoàn viên ưu tú cho chi bộ thực hiện khá tốt. Ban Chấp hành Công đoàn thực hiện tốt việc chăm lo, thăm hỏi công đoàn viên bệnh, hiếu - hỷ, tham gia tốt các phong trào của ngành và Đoàn phường 11; Liên đội tổ chức đầy đủ các hoạt động chính trị, xã hội, các phong trào thiếu nhi cho đội viên học sinh, tích cực tham gia tốt các hoạt động của Hội đồng đội các cấp [H3-1.3-12]; [H3-1.3-13]; [H3-1.3-14].

Mức 3:

a) Trong 05 năm từ 2016 đến 2020, chi bộ trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó năm 2019 và 2020 được đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H3-1.3-11].

b) Hoạt động của tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh trong nhà trường đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường. Trong 05 năm từ 2016 đến năm 2020 các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường đạt thành tích cao: Công đoàn đạt vững mạnh; Chi đoàn đạt vững mạnh; Liên đội xuất sắc [H3-1.3-15]; [H3-1.3-16]; [H3-1.3-17]. Tuy nhiên, các đoàn thể chưa có nhiều đóng góp thường xuyên cho hoạt động cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Trong 05 năm liên tiếp, chi bộ nhà trường đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường đạt thành tích cao trong phong trào thi đua nhiều năm liền.

3. Điểm yếu

Các đoàn thể chưa có nhiều đóng góp thường xuyên đối với hoạt động cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng tiếp tục nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ cốt cán, giáo viên và nhân viên nhà trường thông qua chương trình tự học, tự bồi dưỡng các đợt tập huấn của ngành. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ nguồn cho các tổ chức đoàn thể, tiếp tục phát huy những đóng góp tích cực của các đoàn thể, tạo nhiều điều kiện để các đoàn thể đóng góp hiệu quả cho hoạt động cộng đồng hơn nữa.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tại thời điểm tự đánh giá, nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng theo Quyết định bổ nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Bình. Số lượng phó Hiệu trưởng của trường đủ theo định mức được quy định tại Điều 7, Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-1.4-01].

b) Vào đầu năm học, Hiệu trưởng ban hành các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, tổ văn phòng, bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó. Nhà trường có 07 tổ chuyên môn gồm: tổ Ngữ văn, tổ Toán, tổ Tiếng Anh, tổ Lý - Hóa - Sinh, tổ Sử - Địa - Giáo dục công dân, tổ Công nghệ - Tin học, tổ Văn thể mỹ và 01 tổ Văn phòng. Mỗi tổ đều có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó do Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm từ đầu năm học. Cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn theo quy định tại Điều 16 Điều lệ trường trung học. Cơ cấu tổ chức của tổ văn phòng theo quy định tại Điều 17 Điều lệ trường trung học [H4-1.4-02].

c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, học kỳ và năm học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và các hoạt động giáo dục khác. Theo quy định mỗi tổ họp định kỳ 02 lần/tháng để tổng kết lại hoạt động của tổ và xây dựng nghị quyết chương trình hoạt động trong thời gian tiếp theo. Mỗi lần sinh hoạt tổ chuyên môn đều có ghi biên bản đầy đủ trong sổ nghị quyết tổ. Nội dung các buổi sinh hoạt khá phong phú, đa dạng như: đánh giá việc dự giờ thăm lớp, tổ chức các chuyên đề về đổi mới phương pháp giảng dạy các môn học, hoặc trao đổi kinh nghiệm bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, thảo luận thống nhất những hoạt động, những bài dạy khó trong tuần, thành lập các

câu lạc bộ năng khiếu phát hiện, bồi dưỡng học sinh. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 16 và 17 Điều lệ trường trung học [H4-1.4-03]; [H4-1.4-04].

Mức 2:

a) Trong năm học, các tổ chuyên môn thực hiện chuyên đề cấp trường hoặc cấp quận nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Năm học 2019-2020, trường thực hiện 03 chuyên đề cấp quận: 02 chuyên đề “Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo môn Vật lí và môn Hóa học ngoài không gian lớp học”, chuyên đề “Đổi mới soạn giảng môn Lịch sử theo hướng phát triển năng lực cho học sinh” đạt kết quả tốt [H4-1.4-04].

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được kiểm tra và thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh theo kế hoạch kiểm tra công tác nội bộ nhà trường từng năm học [H4-1.4-04]; [H4-1.4-05].

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H4-1.4-04]. Tuy nhiên, các tổ chuyên môn còn hạn chế trong việc chủ động đề ra các kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém, tổ văn phòng chưa có những hoạt động mang tính sáng tạo, khoa học trong công tác [H4-1.4-04].

b) Hàng năm, Tổ chuyên môn đã thực hiện các chuyên đề chuyên môn để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, triển khai thực hiện để nhân rộng các chuyên đề hay vẫn còn hạn chế. Một số môn vẫn còn học sinh yếu, kém [H4-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện đồng bộ theo kế hoạch của cán bộ quản lý nhà trường, tổ trưởng chuyên môn là những thành viên nhiệt tình, giàu kinh nghiệm, tâm huyết với nghề tạo điều kiện để nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mỗi năm học.

3. Điểm yếu

Việc triển khai thực hiện đề nhân rộng các chuyên đề hay vẫn còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, phó Hiệu trưởng nhà trường tăng cường công tác chỉ đạo các tổ chuyên môn sinh hoạt theo hướng nghiên cứu bài học; kịp thời động viên, khuyến khích tạo điều kiện tốt nhất để giáo viên mạnh dạn phát biểu, đăng ký các tiết dạy thao giảng, hội giảng, tham gia các hội thi do trường và ngành tổ chức; Phó Hiệu trưởng cùng dự sinh hoạt chuyên môn với tổ ít nhất một tháng một lần.

Hiệu trưởng tăng cường công tác kiểm tra nội bộ của tổ chuyên môn để nhắc nhở và điều chỉnh kịp thời. Xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém bộ môn và triển khai thực hiện ngay từ đợt báo điểm đầu năm để giảm dần số lượng học sinh yếu kém bộ môn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2019-2020 trường có 41 lớp từ lớp sáu đến lớp chín. Cụ thể: 10 lớp sáu; 10 lớp bảy; 10 lớp tám; 11 lớp chín [H5-1.5-01].

b) Các lớp học được tổ chức theo quy định, đảm bảo mỗi lớp có 01 lớp trưởng và 02 lớp phó. Mỗi lớp được chia thành nhiều tổ học sinh. Mỗi tổ không quá 10 học sinh, có tổ trưởng, 01 tổ phó do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu mỗi năm học [H5-1.5-02]; [H5-1.5-03].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ: Các tuần đầu năm học, giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh cách thức sinh hoạt tự quản, tự chủ tự chăm sóc lớp học, biết bảo vệ tài sản trường lớp, tự quản trật tự, các em biết cách nêu ý kiến xây dựng lớp... từ đó học sinh biết chủ động tổ chức và tham gia quản lý các nội dung sinh hoạt, học tập của lớp [H5-1.5-02].

Mức 2:

Số lớp của nhà trường đảm bảo không vượt quá 45 trong 05 năm trở lại đây. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định Điều 15 Điều lệ trường trung học. Cụ thể: Mỗi lớp ở các khối không quá 45 học sinh. Hàng năm, trường nhận học sinh lớp 6 theo phân tuyến khu vực tuyển sinh nên số lớp và sĩ số học sinh thường xuyên dao động [H5-1.5-02]; [H5-1.5-03].

Mức 3:

Năm học 2020-2021: Học sinh toàn trường là 1720 em với 40 lớp, bình quân mỗi lớp có 43 học sinh [H5-1.5-02]; [H5-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Ban cán sự các lớp hoạt động tích cực, giúp giáo viên chủ nhiệm ổn định và duy trì nề nếp lớp tốt, tích cực tham gia các phong trào của trường, của ngành góp phần nâng cao kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trong nhà trường. Nhà trường luôn đảm bảo duy trì tốt sĩ số học sinh. Môi trường giáo dục luôn đảm bảo an toàn

cho giáo viên, nhân viên, học sinh của trường, nhìn chung thuận lợi cho học sinh đến trường và yên tâm học tập.

3. Điểm yếu

Số lớp và sỹ số học sinh thường xuyên dao động theo phân tuyến tuyển sinh hàng năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, giáo viên chủ nhiệm phối hợp với giáo viên quản sinh và cha mẹ học sinh tiếp tục làm tốt công tác vận động học sinh ra lớp và duy trì sỹ số học sinh. Nhà trường sắp xếp sỹ số các lớp đồng đều hơn; Hiệu trưởng nhà trường sẽ kiến nghị về Phòng Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch phân tuyến, giảm số lượng học sinh theo lộ trình để vừa đảm bảo số lượng học sinh trong lớp theo đúng quy định Điều 15 Điều lệ trường trung học vừa phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

Từ năm học 2021-2022, phó Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên tiếp tục phát huy điểm mạnh của đội ngũ cán bộ lớp, cải tiến công tác quản lý học sinh một cách khoa học hiệu quả thông qua hoạt động của tổ chức Đội Thiếu niên và vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường lưu trữ hồ sơ tài chính, tài sản theo đúng quy định của Luật lưu trữ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sơ đồ đất, quyết định giao dự toán (bản chính) hằng năm được lưu trữ tại phòng Hiệu trưởng. Các loại hồ sơ liên quan đến tài sản, tài chính được sắp xếp ngăn nắp tại phòng kế toán. Nhà trường xây dựng kế hoạch quản lý cơ sở vật chất, tài sản của đơn vị, có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Hiệu trưởng thường xuyên theo dõi, chỉ đạo sát sao và quản lý chặt chẽ việc sử dụng tài chính, đất đai, cơ sở vật chất nhà trường; có sổ quản lý tài sản, tài chính, có Quy chế chi tiêu nội bộ, có phần mềm quản lý tài sản, tài chính. Hàng năm có tổng hợp và báo cáo kinh phí ngân sách nhà nước. Cuối năm có tiến hành kiểm kê tài sản, tài chính theo quy định [H6-1.6-01]; [H6-1.6-02]; [H6-1.6-03].

b) Hằng năm, kế toán nhà trường đều tham mưu lập dự toán, thực hiện thu chi, thống kê, báo cáo tài chính cơ sở vật chất đúng thời gian quy định, luôn công khai trước tập thể nhà trường. Hiệu trưởng thực hiện tốt việc tự kiểm tra quản lý sử dụng tài chính, tài sản mỗi năm ít nhất 02 lần. Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được công khai bàn bạc, trao đổi và điều chỉnh hằng năm cho phù hợp trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức lao động [H6-1.6-04].

c) Mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường đều có ý thức quản lý, sử dụng tài sản luôn đúng mục đích, hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H6-1.6-05].

Mức 2:

a) Năm học 2019-2020 với số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên là 91 và học sinh là 1554, nhà trường cũng gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý, vì vậy, Hiệu trưởng đã chỉ đạo các bộ phận ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản: phần mềm quản lý tài chính IMAS; phần mềm quản lý thu tiền... Tuy nhiên, hiệu quả chưa cao vì vừa mới đưa vào thực hiện [H6-1.6-06].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H6-1.6-05].

Mức 3:

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, hiệu quả phù hợp với thực tiễn nhà trường nên được sự đồng thuận cao trong toàn thể Hội đồng sư phạm nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng xin ý kiến chỉ đạo của cấp trên để thực hiện kế hoạch trung hạn và dài hạn tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương và theo đúng quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trong những năm qua, nhà trường luôn có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường; Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng hàng năm đều tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ quản lý [H7-1.7-01].

b) Nhà trường có phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý bằng bảng phân công nhiệm vụ theo đề án vị trí việc làm. Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường theo đúng năng lực, sở trường công tác đảm bảo hiệu quả các hoạt động [H7-1.7-02].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành khác. Bảng lương và các chế độ phụ cấp khác của giáo viên hằng tháng được niêm yết công khai trên bảng thông tin [H3-1.3-12]; [H6-1.6-04]; [H7-1.7-03]; [H7-1.7-04]; [H7-1.7-05]; [H7-1.7-06].

Mức 2:

Hàng năm, Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên dựa trên năng lực, sở trường và kinh nghiệm của từng cá nhân; lựa chọn các cá nhân tích cực để phân công quản lý tổ, nhóm. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo Luật Giáo dục, Điều lệ trường trung học, cụ thể: Được tạo điều kiện học tập nâng chuẩn phát triển năng lực, hoạt động này được đưa vào tiêu chí thi đua và có chế độ động viên khen thưởng hàng năm; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo; được xét nâng lương, thâm niên nghề, vượt khung đúng hạn và nâng lương trước hạn khi có thành tích xuất sắc. Kế hoạch thực hiện nâng chuẩn Anh văn cho giáo viên đã được triển khai nhưng kết quả thực hiện còn hạn chế do một số giáo viên lớn tuổi gặp nhiều khó khăn trong học tập [H3-1.3-12]; [H6-1.6-04]; [H7-1.7-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường rất quan tâm, tạo điều kiện để giáo viên học tập nâng cao trình độ, có nhiều biện pháp tích cực trong việc bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên.

3. Điểm yếu

Kế hoạch nâng chuẩn ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và sắp xếp cho giáo viên học tiếng Anh theo yêu cầu chuẩn hóa, đưa nội dung này vào tiêu chí thi đua và có chế độ động viên khen thưởng hàng năm.

Hiệu trưởng phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn nhà trường tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ, tạo điều kiện cho tập thể yên tâm trong công tác.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ngay từ đầu năm học, căn cứ khung chương trình giáo dục trung học cơ sở theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, điều kiện của nhà trường và được phổ biến công khai đến toàn thể Hội đồng sư phạm [H1-1.1-02]; [H8-1.8-01].

b) Nhà trường tổ chức thực hiện đầy đủ các kế hoạch như: Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch thực hiện kiểm tra đánh giá, kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, kế hoạch thực hiện lồng ghép an ninh quốc phòng. Căn cứ vào Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học cấp trung học cơ sở, nhà trường đã tổ chức dạy đủ các môn học, đúng chương trình, đúng kế hoạch đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng quy định [H4-1.4-03]; [H4-1.4-04] [H4-1.4-06]; [H8-1.8-01].

c) Hàng năm, nhà trường chỉ đạo giáo viên rà soát, phân loại từng đối tượng học sinh ngay từ đầu năm, sau đó lập kế hoạch cụ thể, phân công cho giáo viên phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu từ những tiết học phụ đạo, tiết bồi dưỡng học sinh trong thời khóa biểu của từng lớp học. Đồng thời, nhà trường cũng tổ chức theo dõi, kiểm tra và đánh giá sự tiến bộ của học sinh qua từng đợt báo điểm trong năm học và cuối năm học [H4-1.4-03]; [H4-1.4-04] [H4-1.4-06]; [H8-1.8-01].

Mức 2:

Kế hoạch năm học, tháng, tuần của nhà trường xây dựng đầy đủ và sát với thực tế đơn vị, có tính khả thi, được giáo viên đồng thuận nhất trí cao. Thông qua kế hoạch giáo dục của nhà trường tất cả giáo viên bám sát và cụ thể hoá vào kế hoạch của cá nhân, của tổ chuyên môn thực hiện đạt được hiệu quả. Trong các hoạt động giáo dục, nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi và đưa ra nhiều phương pháp để giúp đỡ học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi. Từ đó, tỉ lệ học sinh khá giỏi tăng và học sinh yếu giảm dần qua từng năm học [H4-1.4-03]; [H4-1.4-04]; [H4-1.4-06].

Nhà trường có tổ chức dạy thêm học thêm trong trường và có đầy đủ hồ sơ về hoạt động dạy thêm học thêm theo đúng quy định. Hằng năm, Hiệu trưởng có triển khai cho giáo viên thực hiện đơn đăng ký dạy thêm ngoài nhà trường. Tuy nhiên, việc kiểm tra hoạt động dạy thêm của giáo viên ngoài nhà trường chưa được thực hiện [H8-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Trong các hoạt động giáo dục, nhà trường luôn quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên trong công tác giúp đỡ học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi. Từ đó, tỉ lệ học sinh khá giỏi tăng và học sinh yếu giảm dần qua từng năm học.

3. Điểm yếu

Việc kiểm tra hoạt động dạy thêm của giáo viên ngoài nhà trường chưa được thực hiện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa việc xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch giáo dục để nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục toàn diện của đơn vị. Phó Hiệu trưởng tăng cường kiểm tra, nhắc nhở kịp thời chấn chỉnh việc thực hiện kế hoạch của các bộ phận để có giải pháp chỉ đạo kịp thời. Đồng thời, sắp xếp thời gian hợp lý để kiểm tra, đánh giá các kế hoạch đảm bảo đúng tiến độ đề ra.

Phó Hiệu trưởng sẽ thường xuyên dự họp cùng tổ chuyên môn để có những chỉ đạo sát hợp; tạo điều kiện để giáo viên học tập, nghiên cứu, đổi mới sinh hoạt chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Tăng cường kiểm tra công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu và rèn luyện lại trong hè. Hiệu trưởng phối hợp cùng với các tổ chức, đoàn thể Phường 11, rà soát, kiểm tra đối với giáo viên đăng ký dạy thêm ngoài nhà trường theo một số nội dung thuộc thẩm quyền của mình.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn xây dựng Quy chế dân chủ trong các hoạt động theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mỗi năm, nhà trường có báo cáo đánh giá việc thực hiện và được Ban Thanh tra nhân dân theo dõi và giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường theo định kỳ. Hàng năm, Công đoàn tổ chức kiểm tra đánh giá việc thực hiện Quy chế dân chủ và báo cáo về cấp trên theo đúng quy định. Quy chế dân chủ của nhà trường được công khai và có sự đóng góp ý kiến của cán bộ, viên chức tại Hội nghị cán bộ, viên chức vào đầu năm học. Tuy nhiên, vẫn còn một số giáo viên và nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến do tâm lý e ngại [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

b) Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường chấp hành tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Trong những năm qua nhà trường không có cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm pháp luật. Có 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên tiếp thu, quán triệt các nghị quyết của Đảng, học các lớp chính trị hè. Nhà trường chấp hành tốt sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương, thực hiện nghiêm chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng Giáo dục và Đào tạo, thực hiện tốt nhiệm vụ năm học theo quy định của Bộ, Sở Giáo dục và Đào tạo và khung kế hoạch thời gian của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Cuối mỗi năm học, nhà trường đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, việc cán bộ, giáo viên, nhân viên chấp hành chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và đều có báo cáo về các cơ quan quản lý các cấp theo quy định. Trong 05 năm qua, nhà trường không có đơn thư tố cáo, khiếu nại cần giải quyết [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

c) Cán bộ quản lý nhà trường thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất đầy đủ theo quy định, báo cáo qua mạng Internet và bằng văn bản. Các báo cáo được cập nhật vào sổ theo dõi công văn đi, đến và lưu trữ đầy đủ, kịp thời. Cụ thể như: các loại báo cáo sơ, tổng kết năm học, báo cáo chất lượng từng học kỳ, đầu năm,

cuối năm. Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ mỗi năm được thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức [H9-1.9-01]; [H9-1.9-02]; [H9-1.9-03]; [H9-1.9-04].

Mức 2:

Hiệu trưởng thực hiện tốt quy chế dân chủ và cơ chế giám sát việc thực hiện nên nhiều năm qua đơn vị không có hiện tượng đơn thư khiếu tố, khiếu nại. Các hoạt động của nhà trường được bàn bạc thông qua công khai dân chủ, minh bạch nên đã thúc đẩy chất lượng hoạt động của nhà trường ngày càng phát triển [H1-1.9-01].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, quy chế dân chủ trong hoạt động nhà trường được xây dựng, đúng quy trình và tổ chức thực hiện tốt, do đó việc thực hiện dân chủ trong nhà trường được phát huy, từ đó các hoạt động của nhà trường cũng đạt hiệu quả cao hơn, tập thể luôn giữ được mối đoàn kết và xây dựng tập thể sư phạm vững mạnh.

3. Điểm yếu

Một số cán bộ, giáo viên và nhân viên chưa đóng góp ý kiến nhiều trong các cuộc họp nhà trường do tâm lý e ngại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục củng cố chế độ báo cáo cho hợp lý, phù hợp với đơn vị, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ làm việc nhanh gọn hiệu quả. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho bộ phận văn thư; xử lý tốt các biểu mẫu báo cáo. Phân công cán bộ văn thư thường xuyên theo dõi và cập nhật thông tin trên mạng Internet. Tăng cường nhắc nhở sự phối hợp giữa các bộ phận để nâng cao hơn nữa chất lượng các mặt hoạt động của nhà trường. Hiệu trưởng cùng Chủ tịch công đoàn sẽ tạo điều kiện tối đa để cán bộ, giáo viên và nhân viên phát huy dân chủ của mình trong các cuộc họp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống các dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên; nghiêm túc chấp hành các qui định về phòng chống cháy nổ; trang bị đủ những phương tiện phòng cháy, chữa cháy theo qui định, bố trí các bình chữa cháy ở những khu vực hợp lý, dễ thấy như: dãy phòng học, thư viện, thiết bị, chân cầu thang; thường xuyên kiểm tra định kỳ và thay thế những bình đã hết thời hạn sử dụng; kiểm tra hệ thống điện sử dụng trong nhà

trường như đường dây, hệ thống đèn, quạt... Trang bị thiết bị an toàn điện ở các lớp học, phòng làm việc; bố trí các ổ điện, công tắc, cầu dao cách xa tầm tay học sinh. Trong những giờ cao điểm tắt nguồn điện ở những khu vực không hoạt động. Xây dựng ý thức tiết kiệm điện trong cán bộ, giáo viên, nhân viên. Khu vực nhà kho, gầm cầu thang được kiểm tra và vệ sinh thường xuyên. Khuôn viên trường có xây dựng cổng trường, hàng rào bảo vệ, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự; Có bảo hiểm tài sản và con người. Đầu năm, Hiệu trưởng có xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy và có tổ chức tuyên truyền cho tất cả phụ huynh và học sinh hiểu và cam kết thực hiện phòng chống cháy nổ. Xây dựng kế hoạch giáo dục An toàn giao thông và kế hoạch phối hợp giáo dục học sinh. Cơ sở cung cấp thức ăn bán trú cho trường có đầy đủ giấy tờ pháp lý, giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm [H4-1.4-05]; [H4-1.4-06]; [H10-1.10-01]; [H10-1.10-02].

b) Nhà trường đặt hộp thư góp ý dưới sân trường, có lịch tiếp công dân hằng tuần để xử lý các thông tin phản ánh của người dân, tổ chức tọa đàm với học sinh hằng năm để lắng nghe ý kiến trẻ em; có phương án đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H10-1.10-01]; [H10-1.10-02].

c) Khuôn viên nhà trường nhỏ hẹp, sĩ số học sinh đông nên dễ xảy ra va chạm trong học sinh, Hiệu trưởng đã chỉ đạo tổ chức các chuyên đề học tập để tăng cường công tác giáo dục đạo đức cho học sinh; đồng thời chỉ đạo giáo viên trong các giờ dạy chú ý đến việc giáo dục cách giao tiếp ứng xử, kỹ năng sống vì thế các em luôn yêu thương, giúp đỡ, biết giải quyết các mâu thuẫn, từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020, Trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần không xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H9-1.9-02]; [H10-1.10-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thường xuyên tổ chức các chuyên đề học tập, giáo dục kỹ năng sống để tăng cường công tác giáo dục đạo đức cho học sinh. Trong những năm

qua, nhà trường không xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

3. Điểm yếu

Khuôn viên trường nhỏ hẹp, rất khó khăn cho việc tổ chức diễn tập về công tác phòng cháy chữa cháy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục giữ mối quan hệ chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, chính quyền, nhân dân địa phương làm tốt công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Hiệu trưởng kết hợp với chính quyền địa phương, trạm y tế xã tuyên truyền thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn dân cư và khu vực trường học. Thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ, hội nghị cha mẹ học sinh, Hiệu trưởng thường xuyên tuyên truyền công tác chống tai nạn thương tích, thường xuyên tổ chức các chuyên đề để giáo dục cho học sinh những kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy nhằm hạn chế đến mức độ thấp nhất khả năng xảy ra cháy nổ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có cơ cấu tổ chức phù hợp với quy định tại Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Có lớp học, số học sinh theo quy định của Điều lệ nhà trường. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội khác của nhà trường hoạt động có hiệu quả đúng quy định của pháp luật và đảm bảo theo Điều lệ trường học. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các bộ phận đều được tổ chức hoạt động đồng bộ, đúng chức năng nhiệm vụ và có sự chỉ đạo kiểm tra chặt chẽ của Ban giám hiệu trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ nhà trường nên luôn đem lại hiệu quả thiết thực, thực hiện

có hiệu quả các phong trào thi đua. Hoạt động tài chính minh bạch rõ ràng thực hiện theo đúng văn bản chỉ đạo.

Điểm yếu cơ bản:

Sĩ số của các lớp học khá đông nên tạo áp lực giảng dạy đối với giáo viên, chưa thật sâu sát hết đối với từng học sinh trong từng giờ dạy

Vẫn còn một số ít học sinh lưu ban do học sinh đi rèn luyện trong hè không đầy đủ, cha mẹ thiếu quan tâm.

Kế hoạch nâng chuẩn Anh văn cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện chưa hiệu quả.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 00/10 tiêu chí chiếm 00%
- Đạt Mức 1: 01/10 tiêu chí chiếm 10%
- Đạt Mức 2: 06/10 tiêu chí chiếm 60%
- Đạt Mức 3: 03/10 tiêu chí chiếm 30%

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường có đủ mọi điều kiện và năng lực để thực hiện tốt các hoạt động giáo dục. Cán bộ quản lý không những có phẩm chất đạo đức trong sáng, lành mạnh, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ mà còn luôn tận tụy, tâm huyết với công việc, hướng dẫn tận tình cho giáo viên khi gặp khó khăn. Số lượng giáo viên, nhân viên của trường có đủ và đảm bảo đồng bộ về cơ cấu, đều được đào tạo chuyên môn phù hợp với công tác được giao. Hoạt động chuyên môn và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ được đội ngũ giáo viên trong trường thực hiện tốt. Hàng năm trường đều có giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp quận. Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường luôn nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, giúp đỡ, hỗ trợ, chia sẻ lẫn nhau. Giáo viên, nhân viên nhà

trường luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật. Học sinh của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đúng quy định tại Điều lệ trường phổ thông và của pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần có 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng đều có văn bằng chứng chỉ đủ theo quy định, có số năm dạy học trước khi bổ nhiệm đảm bảo theo quy định [H4-1.4-01]; [H11-2.1-01].
- b) Hằng năm, Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt loại khá trở lên theo quy định [H11-2.1-02].

c) Hiệu trưởng có trình độ thạc sĩ quản lý giáo dục; có đầy đủ chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo quy định hiện hành. Phó Hiệu trưởng của trường có trình độ Đại học sư phạm được bồi dưỡng trung cấp chính trị và đã trải qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định. Hàng năm Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được tham dự đầy đủ các lớp chính trị hè và các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định [H7-1.7-01]; [H11-2.1-01].

Mức 2:

Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng của trường 05 năm qua đều được đánh giá, xếp loại chuẩn hiệu trưởng từ khá trở lên [H11-2.1-02].

Mức 3:

Trong 05 năm từ năm học 2015-2016 đến hết năm học 2018-2019, Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt mức khá theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông [H11-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực quản lý được tập thể nhà trường tín nhiệm và lãnh đạo đánh giá cao.

Có khả năng vận dụng tốt công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành nhà trường.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng và phó Hiệu trưởng chưa đạt mức tốt chuẩn hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện tự bồi dưỡng đổi mới phương pháp quản lý phù hợp với điều kiện thực tiễn và quy mô phát triển nhà trường.

Từ năm học 2021-2022, cán bộ quản lý sắp xếp thời gian tự học để nâng cao trình độ nghiệp vụ nhất là năng lực sử dụng ngoại ngữ trong công tác quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt*

chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2020-2021, trường có 75 giáo viên ở tất cả các môn đảm bảo cho việc thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác [H7-1.7-02]; [H4-1.4-06].

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định tại Điều 33 Điều lệ trường trung học [H12-2.2-01]; [H4-1.4-06].

c) Từ năm học 2016-2017 đến nay, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên được đánh giá theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Trong đó, trường có 48,60% giáo viên được đánh giá mức đạt; 51,40% giáo viên được đánh giá mức khá; không có giáo viên được đánh giá mức tốt [H7-1.7-06]; [H11-2.1-02].

Mức 2:

a) Do tình hình nhân sự biến động trong 05 năm gần đây, nhà trường tuyển mới giáo viên ở nhiều môn nên việc duy trì tỉ lệ giáo viên trên chuẩn và tăng dần theo lộ trình không được đảm bảo. Cụ thể: Năm học 2015-2016, trường có 48/62 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn chiếm 77,42%; Năm học 2019-2020 trường có 59/75 giáo viên đạt trên chuẩn đào tạo chiếm 78,67% [H12-2.2-01].

b) Trong 05 năm học liên tiếp, nhà trường đạt 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp trở lên [H7-1.7-06]; [H11-2.1-02].

c) Một số giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học [H4-1.4-06]; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H4-1.4-05]; [H9-1.9-02].

Mức 3:

a) Trong 05 năm, đánh giá chuẩn giáo viên nhà trường chỉ đạt 51,40% mức khá; nhà trường chưa có giáo viên được đánh giá mức tốt [H11-2.1-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường chưa có nhiều giáo viên tham gia báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học [H12-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên đủ để giảng dạy, phần lớn giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có kinh nghiệm, tâm huyết với nghề, luôn phát huy tốt năng lực chuyên môn trong giảng dạy.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có nhiều giáo viên báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lý và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường thường xuyên tạo điều kiện cho giáo viên học tập nâng cao trình độ và năng lực chuyên môn.

Năm học 2021-2022, Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng chỉ đạo tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch chuyên môn của năm học từ đầu tháng 8, để giáo viên tham gia các công trình nghiên cứu khoa học trong toàn đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ số lượng nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công. Số lượng hiện có như sau: 01 Kế toán; 01 thủ quỹ; 01 nhân viên thư viện; 01 nhân viên Hỗ trợ hòa nhập khuyết tật kiêm nhiệm y tế; 01 giáo viên kiêm nhiệm công tác thiết bị; 01 giáo viên kiêm nhiệm công tác học vụ; 01 nhân viên văn thư. Nhà trường có 03 nhân viên bảo vệ và 03 nhân viên phục vụ cho 02 cơ sở thuộc hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP [H4-1.4-05]; [H4-1.4-06]; [H7-1.7-02].

b) Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp theo năng lực và đúng chuyên môn nghiệp vụ theo quy định [H7-1.7-02].

c) Các nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao, nhân viên bảo vệ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ cơ sở vật chất, tài sản, an ninh, trật tự nhà trường. Các nhân viên/giáo viên kiêm nhiệm được đánh giá 01 lần/năm học theo đúng quy định và được hưởng đúng, đủ các chế độ bảo hiểm y tế,

bảo hiểm xã hội, ốm đau, thai sản và các chính sách khác theo quy định của Nhà nước. 100% giáo viên kiêm nhiệm và nhân viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm [H7-1.7-06]; [H9-1.9-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có số lượng nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm đầy đủ số lượng đáp ứng nhu cầu hoạt động: kế toán, thủ quỹ, học vụ, văn thư, y tế, giáo viên kiêm nhiệm phụ trách thiết bị, giáo viên phụ trách công nghệ thông tin, bảo vệ và phục vụ [H7-1.7-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có nhân viên bị kỷ luật [H7-1.7-06]; [H9-1.9-02].

Mức 3:

a) Nhân viên nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm. Nhân viên kế toán có trình độ đại học chuyên ngành kế toán, nhân viên văn thư, nhân viên y tế có bằng tốt nghiệp trung cấp theo chuyên ngành [H7-1.7-01]; [H12-2.2-02].

b) Hằng năm, nhân viên được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H7-1.7-01]; [H7-1.7-06]; [H9-1.9-02]; [H13-2.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhân viên và giáo viên kiêm nhiệm công tác do Hiệu trưởng phân công có tinh thần trách nhiệm cao và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Hiệu trưởng nhà trường luôn đảm bảo các quyền của nhân viên, quan tâm tạo điều kiện cho nhân viên làm việc và học tập, bố trí và sử dụng nhân viên phù hợp với năng lực của nhân viên.

3. Điểm yếu

Trường vẫn còn thiếu nhân viên y tế, nhân viên làm công tác thiết bị - thực hành thí nghiệm và nhân viên phụ trách công nghệ thông tin.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022, Hiệu trưởng tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo để tuyển dụng những nhân viên còn thiếu có bằng cấp đúng chuyên môn theo quy định và cử nhân viên tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ đúng theo chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định.*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường đảm bảo thực hiện tuyển sinh lớp 6 theo kế hoạch phân tuyến của Phòng Giáo dục và Đào tạo đảm bảo đúng quy định của Điều 37 của Điều lệ trường trung học (kể cả học sinh dân tộc thiểu số); không có trường hợp học sinh đi học trước tuổi hoặc lưu ban quá 02 lần trong một cấp học. Đầu năm học có cập nhật đầy đủ sổ đăng bộ [H5-1.5-01]; [H5-1.5-02]; [H5-1.5-03].

b) Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quy định về các hành vi học sinh không được làm theo Điều 38 và Điều 41, Điều lệ trường trung học. Nhà trường xây dựng nội quy học sinh, quy định rõ các yêu cầu nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục của học sinh trong nhà trường và những hành vi học

sinh không được làm, theo đúng các quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định hiện hành khác [H4-1.4-06]; [H14-2.4-01]; [H14-2.4-02].

c) Học sinh được đảm bảo các quyền của mình theo quy định tại Điều 39, Điều lệ trường trung học. Cụ thể: Được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp và tự học ở nhà, được cung cấp thông tin về việc học tập của mình, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể thao, được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được quyền khiếu nại với nhà trường... và các quy định khác của pháp luật [H4-1.4-06]; [H14-2.4-01]; [H14-2.4-02]; [H14-2.4-03].

Mức 2:

Trong nhiều năm qua, nhà trường luôn quan tâm đến công tác giáo dục đạo đức, phẩm chất cho học sinh. Vì vậy, việc vi phạm của học sinh luôn được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực. Trong 05 năm qua nhà trường không có học sinh bị kỷ luật phải buộc thôi học [H14-2.4-02].

Mức 3:

Trong 05 năm qua nhà trường chú trọng việc phát hiện và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến những học sinh có thành tích trong học tập, khen thưởng kịp thời học sinh có thành tích trong học tập, phong trào như học sinh giỏi cấp trường, cấp quận, cấp thành phố. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng trong tập thể chưa cao [H14-2.4-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tuyển sinh hàng năm đảm bảo quy định về độ tuổi học sinh. Học sinh thực hiện tốt nội quy của nhà trường và giao tiếp có văn hóa. Xây dựng và duy trì được hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh có thành tích trong học tập, phong trào như học sinh giỏi cấp thành phố chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục phát huy công tác tuyên truyền, giáo dục nội quy, Điều lệ trường phổ thông tới phụ huynh và học sinh, để các em thực hiện tốt nội quy của nhà trường; Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp, chọn những giáo viên có năng lực và tâm huyết với nghề, có tinh thần trách nhiệm quan tâm đến lớp và có những giải pháp hữu hiệu để giáo dục học sinh cá biệt trong công tác chủ nhiệm; tổ chức có hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp nhằm phát triển giáo dục toàn diện học sinh.

Từ năm học 2021-2022, Tổng phụ trách Đội xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình câu lạc bộ trẻ em nòng cốt nhằm nâng cao chất lượng hoạt động cho Ban chỉ huy Liên đội, làm phong phú hơn nội dung và hình thức sinh hoạt Đội, tạo sân chơi bổ ích cho học sinh, tạo điều kiện cho các em mạnh dạn tham gia các hoạt động tập thể của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng có số năm dạy học đúng theo quy định và cuối mỗi năm được đánh giá đúng quy định, được bồi dưỡng tập huấn về chính trị và quản lý giáo dục. Giáo viên đạt trình độ chuyên môn theo quy định. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn vượt quy định; không có giáo viên xếp loại yếu kém. Giáo viên, nhân viên trong trường được đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định.

Tất cả học sinh đều đảm bảo về độ tuổi và được đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định, được hỗ trợ khi gặp khó khăn, được khen thưởng khi có thành tích trong học tập, rèn luyện.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường vẫn còn thiếu một số giáo viên và nhân viên làm công tác thiết bị - thực hành thí nghiệm, 01 nhân viên phụ trách công nghệ thông tin, 01 nhân viên y tế.

Những năm gần đây, nhà trường vẫn chưa có nhiều giáo viên báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 00/04 tiêu chí chiếm 00%
- Đạt Mức 1: 01/04 tiêu chí chiếm 25%
- Đạt Mức 2: 02/04 tiêu chí chiếm 50%
- Đạt Mức 3: 01/04 tiêu chí chiếm 25%

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trong suốt nhiều năm qua lãnh đạo nhà trường đã không ngừng tranh thủ các nguồn đầu tư của nhà nước, các nguồn xã hội hóa để chăm lo sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất và tăng cường trang thiết bị dạy học và quy hoạch ổn định khuôn viên.

Đến nay trường đã có 02 cơ sở, diện tích khuôn viên tương đối rộng, có hệ thống biển trường và tường rào bảo vệ. Trường có khá đầy đủ phòng học phục vụ cho hoạt động dạy và học. Phòng vi tính, thư viện, thiết bị được trang bị các một số trang thiết bị, đồ dùng dạy học đáp ứng phần nào được nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên và học sinh. Sau đây là phần đánh giá chi tiết cho từng tiêu chí:

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh.

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tổng diện tích đất của nhà trường được Ủy ban nhân dân Thành phố giao quản lý và sử dụng là 3363,9 m² gồm 02 cơ sở tại phường 11, quận Tân Bình; cuối năm học 2019-2020 tổng số học sinh trong nhà trường là 1554 học sinh/41 lớp, bình quân 2,16 m²/ học sinh. Hàng năm nhà trường có kế hoạch thực hiện việc xanh hóa lớp học, xây dựng trường xanh - sạch - đẹp và an toàn [H15-3.1-01]; [H15-3.1-02]; [H15-3.1-03].

b) Nhà trường có cổng trường, biển tên trường phù hợp, có tường rào bao quanh được xây dựng kiên cố [H15-3.1-01]; [H15-3.1-02]; [H15-3.1-03].

c) Khu sân chơi, sân tập thể dục thể thao có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Danh mục các thiết bị và dụng cụ luyện tập thể dục thể thao đạt yêu cầu phục vụ giảng dạy và hoạt động giáo dục ngoài giờ trong nhà trường [H15-3.1-01]; [H15-3.1-02]; [H15-3.1-03]; [H15-3.1-04].

Mức 2:

Sân chơi, sân tập chưa đảm bảo cho học sinh luyện tập thể dục thể thao do sân trường lát bê tông toàn bộ nên không an toàn cho học sinh luyện tập thể dục thể thao [H15-3.1-01]; [H15-3.1-02].

Mức 3:

Diện tích sân chơi cơ sở 1 là 420 m², cơ sở 2 là 496 m² vừa là sân chơi vừa là bãi tập cho học sinh chưa đảm bảo quy định. Diện tích sân chơi chưa được quy hoạch ổn định, trường chưa có bãi tập. Sân trường còn bị đọng nước vào mùa mưa, gây trơn trượt [H15-3.1-01]; [H15-3.1-02].

2. Điểm mạnh

Trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, biển trường và tường rào bao quanh theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khuôn viên nhà trường luôn được giữ gìn vệ sinh đảm bảo môi trường “xanh – sạch – đẹp”.

3. Điểm yếu

Bãi tập chưa đảm bảo cho học sinh luyện tập thể dục thể thao do sân trường đổ bê tông toàn bộ nên không an toàn cho học sinh luyện tập thể dục thể thao. Sân trường còn bị đọng nước vào mùa mưa, gây trơn trượt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm tiếp theo, Hiệu trưởng sẽ huy động các nguồn vốn để xây dựng nâng cấp. Liên đội phát động học sinh tích cực trồng cây xanh và cây cảnh, tạo dựng môi trường “xanh – sạch – đẹp” phục vụ tốt hơn các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày.

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định.

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khối phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 33 phòng học ở 02 cơ sở đảm bảo cho 41 lớp học, trong đó có 12 lớp tăng cường Tiếng Anh học cả sáng và chiều trên 03 buổi/tuần và các phòng dự trữ phục vụ cho công tác phụ đạo học sinh yếu kém và bồi dưỡng học sinh giỏi. Phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, đủ bàn ghế phù hợp với học sinh, có bàn ghế của giáo viên, bảng viết đảm bảo đúng quy định [H15-3.1-04].

b) Trường chưa có phòng học bộ môn Công nghệ, Âm nhạc và Mỹ thuật, tiếng Anh theo đúng quy định, chỉ có 04 phòng thực hành Hóa Sinh và Lý tại 02 cơ sở [H15-3.1-02].

c) Khối phòng phục vụ học tập của nhà trường gồm phòng Truyền thống – phòng hoạt động Đoàn – Đội, phòng thư viện; phòng thiết bị 2 cơ sở nhỏ hẹp chưa đạt tiêu chuẩn quy định. Nhà trường hiện chưa có phòng tập đa năng [H15-3.1-02].

Mức 2:

a) Các phòng học của nhà trường đảm bảo đủ ánh sáng, đủ bàn ghế phù hợp với học sinh, có bàn ghế của giáo viên, bảng viết đảm bảo đúng quy định. Kích thước,

vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc của đa số bàn ghế học sinh đảm bảo quy định. Các bảng chống lóa được treo ngay giữa phòng học phù hợp với tầm nhìn của học sinh và đúng quy định của Bộ Y tế. Tuy nhiên, bàn ghế của trường chưa đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. Trường chưa có phòng học bộ môn đạt chuẩn, chỉ có 04 phòng thực hành ghép tại 02 cơ sở; phòng thiết bị 02 cơ sở nhỏ hẹp chưa đạt tiêu chuẩn quy định [H15-3.1-02]; [H15-3.1-03].

b) Khối phục vụ học tập gồm các phòng thiết bị, thư viện, phòng đọc sách, 02 phòng thực hành môn Lý và môn Hóa Sinh đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường. Nhà trường chưa có phòng đa năng, phòng truyền thống và phòng hỗ trợ học sinh khuyết tật theo quy định [H15-3.1-02]; [H15-3.1-03]; [H16-3.2-01].

Mức 3:

Trường chưa có phòng học bộ môn Công nghệ, Âm nhạc và Mỹ thuật, tiếng Anh; chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H15-3.1-02]; [H15-3.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 33 phòng học ở 02 cơ sở đảm bảo cho 41 lớp học, trong đó có 12 lớp tăng cường Tiếng Anh học cả sáng và chiều trên 03 buổi/tuần và các phòng dự trữ phục vụ cho công tác phụ đạo học sinh yếu kém và bồi dưỡng học sinh giỏi.

3. Điểm yếu

Trường còn thiếu phòng học bộ môn Công nghệ, Âm nhạc và Mỹ thuật, phòng dạy Tiếng Anh nên phần lớn các tiết dạy thực hành bị ảnh hưởng về cả về thời gian và chất lượng giờ dạy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2020-2021, Hiệu trưởng thành lập tổ kiểm tra, rà soát lại các bộ bàn ghế đã sửa chữa nhiều lần mà không còn hiệu quả sử dụng, lập kế hoạch mua sắm mới các loại bàn, ghế; trình Ủy ban nhân dân quận Tân Bình phê duyệt chủ

trương sơn tường và trang bị mới cơ sở vật chất tại cơ sở 1, tham mưu các cấp lãnh đạo đề nghị nâng cấp, sửa chữa hoặc xây mới thêm phòng học bộ môn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Khu hành chính của nhà trường gồm: Phòng Hiệu trưởng, 02 phòng phó Hiệu trưởng, văn phòng, 02 phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường, 01 phòng Hội trường, 02 phòng y tế cho 02 cơ sở, 02 nhà kho. Nhà trường chưa có phòng riêng dành cho tổ chuyên môn và khu nhà ăn theo quy định [H15-3.1-02]; [H15-3.1-03]; [H16-3.2-01].

b) Trường có khu để xe tại 02 cơ sở cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H15-3.1-02]; [H15-3.1-03] (Quan sát thực tế).

c) Hàng năm, Hiệu trưởng đều có kế hoạch sửa chữa khối phòng hành chính tại cơ sở 1 để đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ hoạt động giáo dục [H15-3.1-04]; [H16-3.2-01]; [H17-3.3-01].

Mức 2:

Các phòng hành chính, quản trị được trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng, được bố trí, sắp xếp, sử dụng hợp lý, đúng mục đích, có hiệu quả theo các quy định hiện hành. Phòng y tế diện tích 28 m², có 01 giường nằm, trang bị dụng cụ hỗ trợ đảm bảo các quy định về hoạt động y tế. Hiện nhà trường chưa có khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H15-3.1-04]; [H16-3.2-01]; [H17-3.3-01].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H15-3.1-04]; [H16-3.2-01].

2. Điểm mạnh

Khu để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự. Các phòng hành chính, quản trị được trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng, được bố trí, sắp xếp, sử dụng hợp lý, đúng mục đích và mang lại hiệu quả.

3. Điểm yếu

Trường hiện chưa có phòng nghỉ cho giáo viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hè năm 2021, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch sửa chữa nâng cấp các phòng hành chính quản trị tại cơ sở 1; Cải tạo 01 phòng truyền thống tại cơ sở 1 làm nhà nghỉ cho giáo viên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Khuôn viên nhà trường có khu vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, riêng cho nam và nữ, an toàn, thuận tiện. Trong năm 2019-2020, nhà trường được phê duyệt kinh phí sửa chữa, nâng cấp nhà vệ sinh học sinh tại cơ sở 1, khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H15-3.1-03]; [H17-3.3-01].

b) Nhà trường có hệ thống cấp, thoát nước sạch đảm bảo vệ sinh đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường. Hiệu trưởng đã huy động phụ huynh học sinh đóng góp mua nước lọc cho học sinh sử dụng đảm bảo an toàn vệ sinh [H18-3.4-01]; [H18-3.4-02].

c) Trường có nơi thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường [H18-3.4-01]; [H18-3.4-02].

Mức 2:

a) Nhà trường đã bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời; các phương tiện, dụng cụ này thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng [H15-3.1-03]; [H17-3.3-01].

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải của nhà trường đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Tuy nhiên, vào mùa mưa thường xảy ra ngập tại cơ sở 1 do hệ thống thoát nước đã xuống cấp [H18-3.4-01]; [H18-3.4-02].

2. Điểm mạnh

Trường có nguồn nước sinh hoạt đủ để phục vụ cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên và chăm sóc cây xanh của trường. Thực hiện tốt việc thu gom rác thường xuyên để đảm bảo theo yêu cầu vệ sinh môi trường. Nhà trường đã huy động cha mẹ học sinh đóng góp mua nước lọc cho học sinh sử dụng đảm bảo an toàn vệ sinh.

3. Điểm yếu

Tại cơ sở 1, do hệ thống thoát nước đã xuống cấp nên thường xảy ra ngập vào mùa mưa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng tiếp tục huy động các nguồn đóng góp từ phụ huynh học sinh để mua nước lọc cho học sinh sử dụng đảm bảo an toàn vệ sinh; tiếp tục tham mưu với lãnh đạo quận xin sửa chữa, bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, hệ thống thoát nước cơ sở 1 nhằm phục vụ tốt cho nhu cầu sử dụng, sinh hoạt của giáo viên, học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường.

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định.

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tại văn phòng làm việc. Các phòng thiết bị, thực hành được trang bị đầy đủ số thiết bị dạy học cho từng bộ môn; thiết bị dạy học được sắp xếp ngăn nắp, khoa học tại phòng thiết bị và các phòng học bộ môn. Các máy tính của nhà trường đều được nối mạng internet phục vụ các hoạt động quản lý, hoạt động dạy và học theo quy định [H15-3.1-04]; [H16-3.2-01]; [H17-3.3-01]; [H19-3.5-01]; [H19-3.5-02].

b) Nhà trường có đầy đủ các thiết bị dạy học đáp ứng theo yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy. Do không có nhân viên chuyên trách, nhà trường đã bố trí giáo viên kiêm nhiệm hỗ trợ giáo viên sử dụng các thiết bị hiện đại khi lên lớp. Nhà trường có đầy đủ các loại sổ sách theo dõi mượn, trả đồ dùng dạy học [H15-3.1-04]; [H19-3.5-01]; [H19-3.5-02].

c) Cuối mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức kiểm kê và có kế hoạch sử dụng, bảo quản, mua sắm và sửa chữa, nâng cấp đồ dùng và thiết bị dạy học cho năm

sau. Nhân viên thư viện và giáo viên phụ trách công tác thiết bị luôn chú trọng công tác bảo quản kho sách và thiết bị, tham mưu bổ sung thêm đầu sách và các trang thiết bị cần thiết phục vụ nhu cầu giảng dạy [H16-3.2-01]; [H17-3.3-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có 02 phòng học Tin học riêng đặt tại cơ sở 1 với 72 máy tính. Toàn bộ máy tính của nhà trường đều được nối mạng internet phục vụ các hoạt động quản lý, dạy và học [H19-3.5-01]; [H19-3.5-02].

b) Nhà trường được trang bị đầy đủ tất cả các thiết bị và dụng cụ thí nghiệm để đảm bảo công tác giảng dạy và học tập [H15-3.1-04]; [H16-3.2-01]; [H17-3.3-01].

c) Hằng năm, giáo viên kiêm nhiệm công tác thiết bị thực hiện kiểm kê tài sản định kì hoặc đột xuất để đề nghị sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu sử dụng của giáo viên và học sinh. Số lượng đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên hàng năm chưa nhiều và chưa có chất lượng [H15-3.1-04]; [H16-3.2-01]; [H17-3.3-01].

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm của nhà trường còn hạn chế [H19-3.5-01].

2. Điểm mạnh

Thiết bị và đồ dùng dạy học được sắp xếp ngăn nắp, khoa học tại phòng thiết bị và phòng thư viện.

3. Điểm yếu

Thiết bị dạy học tự làm của nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tổ chức thi đua các cuộc thi tự làm đồ dùng dạy học cho giáo viên nhằm bổ sung thêm các đồ dùng

còn thiếu cho thư viện nhà trường và tham gia các hội thi cấp trên đạt hiệu quả hơn. Kịp thời mua sắm bổ sung, thay thế những đồ dùng thiết bị đã hư hỏng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường thường xuyên bổ sung sách, báo, sách tham khảo, tạp chí và phát động phong trào xây dựng tủ sách dùng chung cho thư viện nhà trường, tủ sách riêng tại các lớp. Hằng năm nhà trường đều bổ sung danh mục sách báo, tài liệu cho phòng thư viện. Tuy nhiên, thể loại sách tham khảo của nhà trường vẫn còn chưa đa dạng [H20-3.6-01].

b) Thư viện trường có kế hoạch hoạt động đảm bảo đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của giáo viên, nhân viên và học sinh; có hồ sơ sổ sách quản lý theo quy định, đề ra được nội quy của thư viện để đảm bảo tốt việc đọc sách cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H20-3.6-02].

c) Cuối mỗi năm học, thư viện có tổ chức công tác kiểm kê. Hàng năm, thư viện được bổ sung sách, báo, truyện và tài liệu tham khảo phục vụ cho cán bộ, giáo viên và học sinh [H20-3.6-01].

Mức 2:

Thư viện nhà trường đạt tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H20-3.6-03].

Mức 3:

Số lượng máy tính kết nối Internet trong thư viện để phục vụ học sinh và giáo viên còn ít [H20-3.6-01].

2. Điểm mạnh

Thư viện có đủ sách, báo, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo cho học sinh và giáo viên nghiên cứu góp phần phục vụ tốt trong việc giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Số lượng máy tính kết nối Internet trong thư viện để phục vụ học sinh và giáo viên còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bổ sung thêm máy tính kết nối Internet trong thư viện để phục vụ học sinh. Tiếp tục phát động học sinh, phụ huynh tặng sách cho thư viện nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có khuôn viên riêng biệt, được xây dựng khang trang sạch đẹp, rộng rãi, thoáng mát tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy học.

Thư viện nhà trường cơ bản có đủ tài liệu, sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập, sách tham khảo để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập. Việc quản lý, sử dụng và bảo quản các khối phòng và trang thiết bị giáo dục được thực hiện tốt đã phát huy tác dụng tích cực trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản: Số lượng máy tính kết nối Internet trong thư viện để phục vụ học sinh và giáo viên còn ít.

Diện tích sân chơi, bãi tập còn chật, hẹp so với số học sinh của nhà trường. Chưa có các phòng học bộ môn đạt chuẩn, vẫn còn phòng thực hành ghép. Đối chiếu với các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về cơ sở vật chất, tài chính, mặc dù còn khó khăn nhưng trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần đã rất cố gắng đầu tư xây dựng để đảm bảo đạt các yêu cầu tối thiểu cho hoạt động giáo dục toàn diện của nhà trường.

Cơ sở vật chất tại cơ sở 1 đã xuống cấp hoặc quá hạn sử dụng vẫn đang được đề nghị thay mới hoặc nâng cấp.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 00/06 tiêu chí chiếm 00%
- Đạt Mức 1: 03/06 tiêu chí chiếm 50%
- Đạt Mức 2: 01/06 tiêu chí chiếm 16.67%
- Đạt Mức 3: 02/06 tiêu chí chiếm 33.33%

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**Mở đầu:**

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội là sự phối hợp chặt chẽ giữa 03 môi trường giáo dục được nhà trường chú trọng và duy trì tốt. Để thực hiện tốt công tác giáo dục toàn diện cho học sinh, nhà trường đã tích cực tham mưu với các ban ngành, đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh, huy động tất cả các nguồn lực trong công tác xây dựng nhà trường cũng như môi trường giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc và mục tiêu giáo dục. Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình, có trách nhiệm trong việc giáo dục con em. Thường xuyên hỗ trợ nhà trường trong việc vận động học sinh bỏ học trở lại lớp, quan tâm đến học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức buổi họp giữa giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh mỗi lớp để bầu chọn Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp.

Sau đó, nhà trường tổ chức Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh để bầu chọn Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động có kế hoạch hoạt động cụ thể trong năm học, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên, sử dụng quyền và trách nhiệm cùng với sự nhiệt tình để điều hành, tổ chức Ban đại diện cha mẹ học sinh đi vào hoạt động đúng Điều lệ quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H21-4.1-01].

b) Hiệu trưởng luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường và các lớp hoạt động độc lập, thực hiện tốt điều lệ, nghị quyết và phương hướng hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường đã phối hợp với nhà trường chăm lo công tác giáo dục học sinh, động viên, khen thưởng học sinh đạt thành tích cao trong học tập, trong các phong trào hội thi và tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp [H21-4.1-02].

c) Định kì (đầu năm, giữa năm và cuối năm học) Hiệu trưởng tổ chức cuộc họp với Ban đại diện cha mẹ học sinh và với toàn thể cha mẹ học sinh của các lớp để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh; góp ý cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh [H21-4.1-03]; [H21-4.1-04]; [H21-4.1-05].

Mức 2:

Việc phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục của một số ít phụ huynh học sinh còn chưa tốt dẫn đến tình trạng học sinh bỏ học hàng năm vẫn còn [H4-1.4-06]; [H21-4.1-03]; [H21-4.1-05].

Mức 3:

Hiệu trưởng chủ động tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất với cha mẹ học sinh từng lớp, với Ban đại diện cha mẹ học sinh để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh

[H21-4.1-03]. Tuy nhiên, việc đóng góp ý kiến của cha mẹ học sinh còn ít và chưa đi vào chiều sâu trong công tác quản lý của nhà trường [H21-4.1-04]. **2. Điểm mạnh**

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp luôn nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, quan tâm đến công tác hỗ trợ học sinh khó khăn và giáo dục học sinh chậm tiến bộ, vận động xã hội hoá giáo dục và phối hợp chặt chẽ với nhà trường giúp nhà trường hoàn thành tốt mọi chỉ tiêu nhiệm vụ năm học.

3. Điểm yếu

Việc đóng góp ý kiến của cha mẹ học sinh còn ít và chưa đi vào chiều sâu trong công tác quản lý của nhà trường. Tình trạng học sinh bỏ học hàng năm vẫn còn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trong nhà trường. Xây dựng kế hoạch hoạt động và nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên nhằm phát huy vai trò của các thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm bằng mọi hình thức để liên hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh để cùng giáo dục học sinh tiến bộ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần luôn chủ động tham mưu cho Đảng ủy, Ủy ban nhân dân phường 11 về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường như: Kế hoạch huy động trẻ ra lớp; kế hoạch phát triển trường lớp; kế hoạch phát triển đảng viên, kế hoạch học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh... Ngoài ra, trường còn kịp thời tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Nội vụ quận Tân Bình trong công tác quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý [H1-1.1-02]; [H8-1.8-01].

b) Nhà trường có kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường, tổ chức xã hội nghề nghiệp, doanh nghiệp, cá nhân khi thực hiện các hoạt động giáo dục. Được sự tin tưởng, động viên, quan tâm hỗ trợ của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, các ban ngành đoàn thể Phường 11 trong việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

Phối hợp với Phòng tư pháp, công an phường, quận tuyên truyền về phòng chống tội phạm tuổi vị thành niên; phối hợp với Công an quận Tân Bình tuyên truyền về thực hiện Luật giao thông 2008; phối hợp với Trung tâm y tế dự phòng tuyên truyền về Phòng chống HIV, AIDS... Từ đó góp phần tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H22-4.2-01]; [H22-4.2-02].

c) Hằng năm, nhà trường phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh làm vận động hỗ trợ bằng tiền và hiện vật từ các mạnh thường quân ở địa phương và cha mẹ học sinh để khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật như hỗ trợ bảo hiểm Y tế, quần áo, tập vở, học bổng cho học sinh nghèo... Tuy nhiên, chưa có được những nguồn lực lớn, thường xuyên để thực hiện các kế hoạch dài hạn của nhà trường [H3-1.3-14]; [H21-4.1-03]; [H21-4.1-04].

Mức 2:

a) Bí thư Chi bộ nhà trường đồng thời là Hiệu trưởng nên thuận lợi hơn trong việc thường xuyên tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường, kế hoạch năm học [H4-1.4-06]; [H22-4.2-01].

b) Tổng phụ trách Đội phối hợp với Chi đoàn giáo viên và Ban hướng nghiệp – hoạt động ngoại khóa tổ chức giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc như cho học sinh tham quan Bảo tàng lịch sử, Bảo tàng chứng tích chiến tranh, Dinh Thống Nhất, Khu Di tích Rạch Gầm Xoài Mút, các di tích lịch sử khác; tạo điều kiện cho học sinh học tập trải nghiệm thông qua tham quan thực tế sản xuất, tìm hiểu những ứng dụng khoa học kỹ thuật tại khu Nông nghiệp công nghệ cao; các chương trình trải nghiệm tại Thảo Cầm Viên,... cũng như ứng dụng kiến thức vào trong thực tế cuộc sống, làm cho các em hứng thú hơn trong quá trình học tập bộ môn Sinh, Công nghệ... [H22-4.2-01]; [H22-4.2-02].

Mức 3:

Nhà trường đã chủ động tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền xây dựng nhà trường an toàn, đảm bảo sức khỏe học sinh, từng bước trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục. Hàng năm, nhà trường chủ động xây dựng quy chế phối hợp tốt với công an địa phương trong việc đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn, phòng chống dịch bệnh trong và ngoài nhà trường; trường thành lập Ban chỉ đạo xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong trường học, có kế hoạch hoạt động cụ thể nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường [H10-1.10-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng thực hiện tốt công tác tham mưu cho các cấp chính quyền và phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường trong các hoạt động giáo dục và công tác đảm bảo an toàn trường học.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng chưa huy động được nhiều nguồn lực lớn, thường xuyên đề thực hiện các kế hoạch dài hạn của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022, cán bộ quản lý nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm tăng cường phối hợp với các ban ngành đoàn thể, cá nhân, tổ chức cấp ủy, chính quyền địa phương, công tác xã hội hóa giáo dục, huy động mọi nguồn lực xã hội chăm lo cho sự nghiệp giáo dục. Ngoài ra, Hiệu trưởng còn chú ý phát huy tốt vai trò của Chi hội khuyến học nhà trường trong việc phát huy nguồn lực tự nguyện để hỗ trợ nhà trường trong việc khuyến học, khuyến tài.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật: Nhà trường được sự quan tâm, giúp đỡ của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự ủng hộ nhiệt tình và phối hợp nhịp nhàng,

hiệu quả của các tổ chức đoàn thể xã hội, sự yêu thương, tin tưởng và ủng hộ của phụ huynh học sinh. Hiệu trưởng đã xây dựng được mối quan hệ tích cực, hiệu quả giữa các lực lượng giáo dục, giữa các tổ chức đoàn thể; sự tham gia và phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và cha mẹ học sinh đã tạo được cơ sở vật chất khang trang đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

Điểm yếu cơ bản: Hiệu trưởng chưa huy động được nhiều nguồn lực lớn để thực hiện các kế hoạch dài hạn của nhà trường.

- Không đạt: 00/02 tiêu chí chiếm 00%
- Đạt Mức 1: 00/02 tiêu chí chiếm 00%
- Đạt Mức 2: 00/02 tiêu chí chiếm 00%
- Đạt Mức 3: 02/02 tiêu chí chiếm 100%

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trường tổ chức đầy đủ các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác của ngành. Các nhiệm vụ năm học được thông qua tại Hội nghị cán bộ công chức, viên chức hàng năm, nhà trường đề ra hàng loạt các biện pháp tích cực để đẩy mạnh công tác giảng dạy, công tác hỗ trợ giáo dục như các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động đoàn thể xã hội... và thường xuyên nâng cao hiệu quả các hoạt động. Nhà trường còn chỉ đạo tổ chuyên môn thường xuyên rà soát các biện pháp nhằm không ngừng cải tiến các hoạt động giáo dục của giáo viên. Nhờ đó hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục toàn diện của nhà trường ngày càng được nâng lên.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch giáo dục và kế hoạch thời gian năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình nhà trường cụ thể hóa bằng các kế hoạch hoạt động chuyên môn năm, học kỳ, tháng, tuần. Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục [H4-1.4-03]; [H4-1.4-04]; [H4-1.4-06]; [H8-1.8-01]; [H23-5.1-01]; [H23-5.1-02].

b) Giáo viên vận dụng đa dạng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức các hoạt động dạy học đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện của nhà trường tuy nhiên chưa đồng đều giữa các

giáo viên; có tổ chức bồi dưỡng cho học sinh nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H4-1.4-03]; [H4-1.4-04]; [H4-1.4-06]; [H23-5.1-02]; [H23-5.1-03]; [H23-5.1-04].

c) Những năm gần đây, nhà trường thực hiện đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng chú trọng đánh giá phẩm chất và năng lực của học sinh, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả; kết hợp một cách hợp lý, phù hợp giữa hình thức trắc nghiệm tự luận với trắc nghiệm khách quan, giữa kiểm tra lý thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra; xây dựng đề kiểm tra theo ma trận đảm bảo 04 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao. Khi chấm bài kiểm tra, tất cả các giáo viên bộ môn đều có phần nhận xét, hướng dẫn sửa sai, động viên sự cố gắng, tiến bộ của học sinh. Các tổ bộ môn họp thống nhất đáp án chấm và bài chấm đảm bảo khách quan, trung thực. Sau mỗi đợt kiểm tra học kỳ các tổ, nhóm bộ môn họp rút kinh nghiệm về hoạt động giảng dạy cũng như thống kê chất lượng bộ môn; từ đó đề ra các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan hơn; cũng như đề ra các biện pháp giảng dạy tốt hơn [H1-1.4-04]; [H4-1.4-06]; [H23-5.1-04].

Mức 2:

a) Hằng năm, Hiệu trưởng chỉ đạo từng giáo viên thực hiện đúng chương trình giảng dạy, xây dựng kế hoạch cá nhân lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. Qua các đợt kiểm tra và trong quá trình học tập của học sinh, nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức phụ đạo học sinh yếu theo từng môn [H4-1.4-06]; [H8-1.8-01]; [H23-5.1-01]; [H23-5.1-05].

b) Trường xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển chọn học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu ở từng môn để tham gia kỳ thi học sinh giỏi cấp quận và thành phố. Đối với những em học sinh hòa nhập - khuyết tật, nhà trường quan tâm, giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi cho các em tham gia các hoạt động học tập và vui chơi vừa sức. Những năm gần đây, việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu, học sinh giỏi bộ

môn đã đem lại kết quả cao nhưng chưa đều ở các môn [H8-1.8-01]; [H23-5.1-05]; [H23-5.1-06].

Mức 3:

Định kỳ các tổ bộ môn có tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập hằng tháng để từ đó bổ sung điều chỉnh nội dung giải pháp nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H4-1.4-06]; [H23-5.1-06]. Tuy nhiên, hiệu quả của việc rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập của nhà trường chưa cao.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch năm học, tháng, tuần của nhà trường xây dựng đầy đủ và sát với thực tế đơn vị, có tính khả thi, được giáo viên đồng thuận nhất trí cao. Trong các hoạt động giáo dục, nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi và đưa ra nhiều phương pháp để giúp đỡ học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi. Từ đó, tỉ lệ học sinh giỏi tăng và học sinh yếu giảm dần qua từng năm học.

3. Điểm yếu

Những năm gần đây, việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu, học sinh giỏi bộ môn đã đem lại kết quả cao nhưng chưa đều ở các môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2020-2021, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch năm học, học kỳ, tháng, tuần của trường cũng như các bộ phận, tổ chuyên môn một cách khoa học và sát với tình hình nhà trường hơn. Phó Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển chọn, bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu các bộ môn để dự thi cấp quận, cấp thành phố đạt kết quả cao. Quan tâm, giúp đỡ nhiều hơn nữa những học sinh gặp khó khăn trong học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

c) Hàng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, căn cứ kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường, giáo viên thực hiện kế hoạch từng môn học thể hiện cụ thể việc giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật trong học tập và rèn luyện, học sinh có năng khiếu chuyên môn, thể dục thể thao để nâng cao chất lượng giảng dạy và hiệu quả học tập của học sinh thuộc từng nhóm đối tượng [H1-1.4-03]; [H4-1.4-06]; [H5-1.5-02]; [H23-5.1-05]; [H23-5.1-06].

b) Hàng năm, nhà trường tổ chức trao học bổng, trao quà tết cho học sinh khó khăn; phân công các giáo viên giỏi, có kinh nghiệm dạy bồi dưỡng cho học sinh có năng khiếu ở các bộ môn như Thể dục, Âm nhạc, Công nghệ, Mỹ

thuật; xây dựng kế hoạch giảng dạy và lịch học bồi dưỡng học sinh giỏi các môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí cho các em dự thi học sinh giỏi cấp quận, cấp thành phố. Đối với học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện, nhà trường phân công giáo viên dạy phụ đạo, giảm mức độ đánh giá đối với học sinh hòa nhập khuyết tật [H4-1.4-06]; [H5-1.5-02]; [H23-5.2-01].

c) Hàng năm có biên bản rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện cuối năm học [H3-1.3-14]; [H5-1.5-02]; [H4-1.4-06]. Tuy nhiên, nhà trường đôi khi chưa phát hiện kịp thời học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh có năng khiếu để giáo dục và hỗ trợ.

Mức 2:

Sau mỗi học kỳ, cuối năm học nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá lại kết quả học tập của học sinh từ đó đề ra các biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục nhất là đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, quan tâm giúp đỡ học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục [H4-1.4-04]; [H4-1.4-06]; [H24-5.02-01].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường đều có học sinh đạt giải về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận [H4-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Hàng năm có rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

3. Điểm yếu

Nhà trường đôi khi chưa phát hiện kịp thời học sinh có hoàn cảnh khó khăn và học sinh có năng khiếu để giáo dục và hỗ trợ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm quan tâm, tìm hiểu, phát hiện học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện báo cáo cho Phó hiệu trưởng để xây dựng kế hoạch giáo dục, giúp đỡ học sinh kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;*
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;*
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.*

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo đúng kế hoạch giáo dục của nhà trường [H4-1.4-03]; [H1-1.8-01]. Một số nội dung giáo dục lịch sử địa phương và văn học địa phương được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của giáo viên, một số nội dung được tổ, nhóm chuyên môn thực hiện lồng ghép vào các hoạt động ngoại khóa cho học sinh hằng năm [H4-1.4-06]; [H25-5.3-02]; [H25-5.3-03].

b) Hằng năm, nhà trường thực hiện việc kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương kết hợp với các nội dung kiến thức trong chương trình bộ môn và sử dụng kết quả để đánh giá, xếp loại học sinh từng học kỳ và cuối năm học

theo quy định. Phó Hiệu trưởng thường xuyên phối hợp với các tổ trưởng chuyên môn (Ngữ văn, Sử, Địa ...) dự giờ, kiểm tra bài soạn, lịch báo giảng để đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục địa phương của giáo viên. Công tác kiểm tra đảm bảo khách quan, công bằng [H8-1.8-01] [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H25-5.3-01].

c) Trong các đợt báo cáo sơ kết, tổng kết năm học, các tổ nhóm chuyên môn đều thực hiện việc đánh giá, rút kinh nghiệm về tổ chức dạy học giáo dục địa phương và đề xuất điều chỉnh các nội dung, cập nhật tài liệu mới, thực hiện lồng ghép các nội dung này vào việc giảng dạy chương trình bộ môn thật phù hợp cho các năm tiếp theo [H3-1.3-06]; [H22-4.2-02]. Tài liệu giáo dục địa phương chưa phong phú, giáo viên phải tự tìm tòi và thiết kế bài giảng nên chất lượng và hiệu quả chưa cao [H4-1.4-06].

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương hoàn toàn phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn thể hiện trong kế hoạch giảng dạy của giáo viên. Năm học 2019-2020, nhà trường tăng cường tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong dạy học các nội dung giáo dục địa phương đặc biệt là lịch sử, văn học địa phương. Học sinh hứng thú tham gia những hoạt động trải nghiệm khám phá mới mẻ, gắn học tập với thực tiễn, gắn giáo dục trong nhà trường với giáo dục ngoài xã hội [H25-5.3-02]; [H25-5.3-03].

2. Điểm mạnh

Học sinh hứng thú tham gia những hoạt động trải nghiệm khám phá mới mẻ, gắn học tập với thực tiễn, gắn giáo dục trong nhà trường với giáo dục ngoài xã hội.

3. Điểm yếu

Tài liệu giáo dục địa phương chưa phong phú, giáo viên phải tự tìm tòi và thiết kế bài giảng nên chất lượng và hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2021-2022, phó Hiệu trưởng phối hợp với tổ trưởng chuyên môn tích cực công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình ở các bộ môn; thường xuyên tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh để nâng cao hiệu quả việc giảng dạy, tổ chức cho học sinh sưu tầm thêm các hình ảnh, tư liệu phục vụ cho việc giảng dạy giáo dục địa phương có hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường.

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch.

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực.

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ Kế hoạch hoạt động chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ Kế hoạch hoạt động chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, từ tình hình thực tiễn tại đơn vị, hàng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm, kế hoạch dạy hướng nghiệp, kế hoạch dạy nghề [H26-5.4-01].

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch. Học sinh tất cả các khối đảm bảo được tổ chức trải nghiệm học tập thực tế 01 lần/01 năm học [H25-5.3-02]; [H26-5.4-01]; [H4-1.4-06].

c) Hằng năm nhà trường có phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp [H5-5.4-01]; [H4-1.4-06].

Mức 2:

a) Nhà trường có lập kế hoạch về hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp phù hợp với học sinh. Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực [H25-5.3-02]; [H26-5.4-01]; [H4-1.4-06].

b) Sau khi tổ chức các hoạt động, Hiệu trưởng rút kinh nghiệm và đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thông qua các báo cáo kết quả việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (hiện tại, so sánh với năm trước) [H4-1.4-06]. Tuy nhiên, hoạt động rút kinh nghiệm chưa diễn ra thường xuyên và đạt hiệu quả không cao [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Học sinh tất cả các khối đảm bảo được tổ chức trải nghiệm học tập thực tế 01 lần/01 năm học, số lượng học sinh tham gia khá đông.

3. Điểm yếu

Hoạt động rút kinh nghiệm việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chưa diễn ra thường xuyên và đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng phân công Phó Hiệu trưởng phụ trách xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện cho học sinh học tập trải nghiệm nhiều hơn; định kỳ rà soát, đánh giá kết quả tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động trải nghiệm đạt chất lượng hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục.

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện.

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường luôn xem việc rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh là nhiệm vụ quan trọng của mỗi năm học nên vào đầu mỗi năm học, nhà trường đều có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh đồng thời chỉ đạo cho giáo viên xem việc lồng ghép kỹ năng sống trong từng tiết dạy, từng hoạt động là việc làm cần thiết, hình thành cho các em những kỹ năng cần thiết trong cuộc sống như: Làm việc theo nhóm, nhận thức vấn đề, kỹ năng quyết định, đặt mục tiêu ... Giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống

thông qua các hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng ứng phó, kỹ năng hợp tác ... Tuy nhiên, vẫn còn một số học sinh chưa thực sự chú ý đến việc rèn luyện kỹ năng sống, chưa tích cực tham gia các hoạt động chung của nhà trường [H27-5.5-01].

b) Trong từng năm học, nhà trường luôn tăng cường giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua giáo dục ý thức chấp hành luật giao thông; cách tự phòng, chống tai nạn giao thông, đuối nước và các tai nạn thương tích khác thông qua việc giảng dạy môn Giáo dục công dân, tham gia dự thi tìm hiểu Luật Giao thông do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình tổ chức từ đó giúp các em biết tự bảo vệ chính mình [H4-1.4-06]; [H25-5.3-02].

c) Nhà trường luôn chú trọng đến việc rèn luyện về đạo đức, lối sống của học sinh thông qua những tiết chào cờ, lồng ghép vào những tiết dạy về hình thành nhân cách, về lối sống, về truyền thống văn hóa dân tộc cho các em, từ đó giúp các em hoàn thiện hơn đạo đức, hiểu sâu hơn về truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H4-1.4-06].

Mức 2:

Nhà trường có quan tâm đến việc hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện kỹ năng sống thông qua các tiết học thực hành ở các môn Công nghệ, Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp [H4-1.4-06]; [H5-1.5-02].

Học sinh có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống [H4-1.4-06]; [H5-1.5-02]; [H25-5.3-02].

Mức 3:

Nhà trường có chuyên gia tư vấn, hướng dẫn và giám sát về kỹ năng sống cho các học sinh. Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn [H4-1.4-06]; [H5-1.5-02]; [H25-5.3-02]. Tuy nhiên, số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, cán bộ quản lý luôn quan tâm và chú trọng đến việc rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh và đều có xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng nội dung phù hợp với lứa tuổi của các em, đồng thời chỉ đạo giáo viên lồng ghép kỹ năng sống trong từng tiết dạy, từng hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được đồng thời trong năm học 2021-2022, Phó Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch cụ thể hóa các chương trình lồng ghép kỹ năng sống vào trong giảng dạy, tiết sinh hoạt dưới cờ, tiết sinh hoạt lớp, để từ đó động viên tinh thần tham gia nghiên cứu khoa học cho học sinh và việc vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh: - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học. - Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) *Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: - Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học. - Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Mỗi năm vào thời điểm cuối năm học nhà trường đều thống kê kết quả đánh giá xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh theo từng khối lớp. Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường đề ra [H8-1.8-01].

b) Từ năm 2015 đến nay, tỷ lệ học sinh lên lớp sau kiểm tra lại luôn đạt trên 97,00% và trên 97,50% tốt nghiệp Trung học cơ sở đảm bảo theo kế hoạch của nhà trường đề ra [H28-5.6-01]; [H28-5.6-02].

c) Hằng năm, nhà trường luôn đổi mới phương thức định hướng phân luồng cho học sinh phù hợp với đối tượng học sinh từng năm, đảm bảo yêu cầu thực tế và mục tiêu phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường [H28-5.6-02]; [H28-5.6-03].

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H4-1.4-06].

* Kết quả xếp loại học lực 5 năm vừa qua:

Năm học	Học lực giỏi	Học lực khá	Học lực trung bình	Học lực yếu, kém
2015-2016	32,19%	33,72%	24,60%	9,50%
2016-2017	31,15%	38,52%	24,59%	4,09%
2017-2018	31,13%	41,20%	23,59%	4,09%

2018-2019	32,04%	41,41%	23,52%	3,00%
2019-2020	32,56%	43,50%	21,17%	2,76%

* Kết quả xếp loại hạnh kiểm 5 năm vừa qua:

Năm học	Hạnh kiểm tốt	Hạnh kiểm khá	Hạnh kiểm trung bình	Hạnh kiểm yếu
2015-2016	67,94%	27,34%	4,72%	00%
2016-2017	78,10%	20,55%	1,35%	00%
2017-2018	86,88%	11,62%	1,50%	00%
2018-2019	94,01%	5,39%	0,60%	00%
2019-2020	94,66%	4,95%	0,39%	00%

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp [H28-5.6-02] và tốt nghiệp ổn định và có chuyển biến tích cực từng năm [H28-5.6-01].

Năm học	Học sinh tốt nghiệp/học sinh lớp 9	Tỷ lệ	Học sinh lên lớp/toàn trường	Tỷ lệ
2015-2016	262/267	98,13%	1555/1597	97,37%
2016-2017	343/346	99,13%	1672/1708	97,89%
2017-2018	356/365	97,53%	1710/1738	98,39%
2018-2019	439/440	99,77%	1642/1654	99,27%
2019-2020	421/423	99,53%	1544/1554	99,36%

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

a) Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi, khá của trường đạt trên 65% qua các năm. Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường năm học 2015-2016 vượt quá 05% [H4-1.4-06]; [H28-5.6-02].

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt của trường đạt trên 95% qua các năm:

b) Do hoàn cảnh gia đình nên một số ít phụ huynh chưa quan tâm đến việc học tập của con em, dẫn đến kết quả cuối năm của các em chưa cao. Năm học 2015-2016 và năm học 2016-2017 tỷ lệ học sinh lưu ban cuối năm vượt quá 02% [H4-1.4-06]; [H28-5.6-02].

Năm học	Tổng số học sinh toàn trường	Số học sinh bỏ học	Tỉ lệ	Học sinh lưu ban	Tỉ lệ
2015-2016	1597	07	0,44%	42	2,63%
2016-2017	1708	06	0,35%	36	2,11%
2017-2018	1738	09	0,52%	28	1,61%
2018-2019	1654	05	0,30%	12	0,73%
2019-2020	1554	05	0,32%	10	0,64%

2. Điểm mạnh

Kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm và học tập của học sinh có xu hướng được nâng cao về chất lượng. Cụ thể chất lượng học tập của học sinh khá, giỏi luôn ở mức cao, học sinh đạt hạnh kiểm khá, tốt chiếm tỷ lệ cao (trên 98 %). Trong nhiều năm, nhà trường không có học sinh nào vi phạm đạo đức, bị kỷ luật buộc thôi học.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh bỏ học do hoàn cảnh gia đình vẫn còn trong các năm học gần đây.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo Hiệu trưởng phân công Phó Hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch chuyên môn cụ thể, tổ chức thao giảng, sinh hoạt chuyên đề, đổi mới phương pháp để tiếp tục duy trì và nâng cao tỷ lệ học sinh đạt học lực trung bình và hạnh kiểm khá trở lên. Bộ phận đoàn thể, hội khuyến học nhà trường vận động phụ huynh và các mạnh thường quân ủng hộ quỹ tiếp sức đến trường để giúp đỡ những em có hoàn cảnh khó khăn. Đoàn

thanh niên và Tổng phụ trách đội phối hợp với chính quyền địa phương và phụ huynh học sinh trong việc giáo dục các em trong việc tự học, đi học đều, tránh xa tệ nạn xã hội, tránh xa những bạn bè xấu lôi kéo và quan tâm việc học của các em nhiều hơn nữa nhằm giảm dần việc học sinh bỏ học giữa chừng và thường xuyên nghỉ học. Từ đó giảm dần tỷ lệ học sinh có học lực kém, hạnh kiểm trung bình, học sinh lưu ban và bỏ học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần trong nhiều năm qua tiếp tục kiên trì mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh theo mục tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định là “*Dạy chữ, dạy nghề, dạy người*”, đảm bảo chất lượng hạnh kiểm, học lực đạt kết quả cao theo quy định. Ngoài hoạt động dạy và học, nhà trường rất coi trọng việc tổ chức các hoạt động xã hội, hoạt động đoàn thể, ngoài giờ lên lớp nhằm giáo dục nhận thức, tư tưởng, đạo đức, rèn kỹ năng sống cho học sinh.

Các hoạt động ngoài giờ lên lớp được tổ chức bằng nhiều hình thức phong phú, tập trung giáo dục đạo đức, giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh. Hoạt động giáo dục hướng nghiệp đã bước đầu thực hiện có nề nếp, đảm bảo chất lượng các giờ hướng nghiệp.

Điểm yếu cơ bản:

Chất lượng học sinh đại trà còn thấp. Học sinh xếp loại học lực yếu vẫn còn chiếm tỉ lệ trung bình hàng năm từ 02 đến 03%.

Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động thể dục, thể thao còn hạn chế.

Vẫn còn tình trạng học sinh bỏ học và học sinh lưu ban trong các năm học gần đây.

Vẫn còn một số học sinh chưa có ý thức học tập, không có tinh thần phấn đấu nỗ lực vươn lên trong học tập. Số lượng học sinh giỏi đạt giải cấp thành phố chưa cao và chưa đồng đều ở các môn.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- Không đạt: 00/06 tiêu chí chiếm 00%
- Đạt Mức 1: 00/06 tiêu chí chiếm 00%
- Đạt Mức 2: 01/06 tiêu chí chiếm 16,67%
- Đạt Mức 3: 05/06 tiêu chí chiếm 83,33%

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, đối chiếu với Bộ tiêu chuẩn đánh giá trường trung học cơ sở, Trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần đã đạt những kết quả cụ thể về các tiêu chí và chỉ số như sau:.

- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 Tỷ lệ: 100%;
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 1: 00/28 Tỷ lệ: 00%;
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 2: 23/28 Tỷ lệ: 82,14%;
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 2: 5/28 Tỷ lệ: 17,86%;
- Số lượng các tiêu chí đạt Mức 3: 11/20 Tỷ lệ: 55%;
- Số lượng các tiêu chí không đạt Mức 3: 09/20 Tỷ lệ: 45%;
- Mức đánh giá của Trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần: Mức 1;
- Trường Trung học cơ sở Võ Văn Tần đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Cấp độ của kết quả kiểm định chất lượng giáo dục mà nhà trường đạt được theo Khoản 1b Điều 6 – các mức đánh giá trường trung học theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với các trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học./.

Tân Bình, ngày 15 tháng 4 năm 2021

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Anh Khoa